

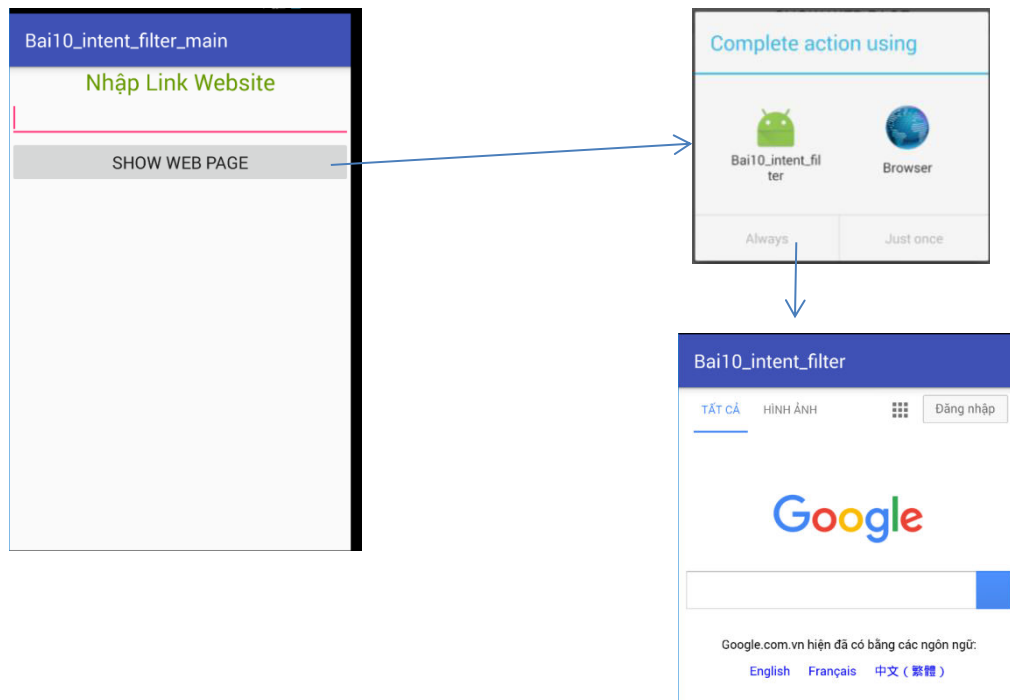
Bài 10. Intent và Intent Filter (tt)

I. Mục tiêu

Giúp sinh viên hiểu rõ và lập trình với các thành phần

- 1) Intent
- 2) Intent Filer
- 3) Tìm hiểu cách viết ứng dụng hiển thị Web sử dụng Intent Filter để gọi
- 4) Viết ứng dụng với nhiều giao diện

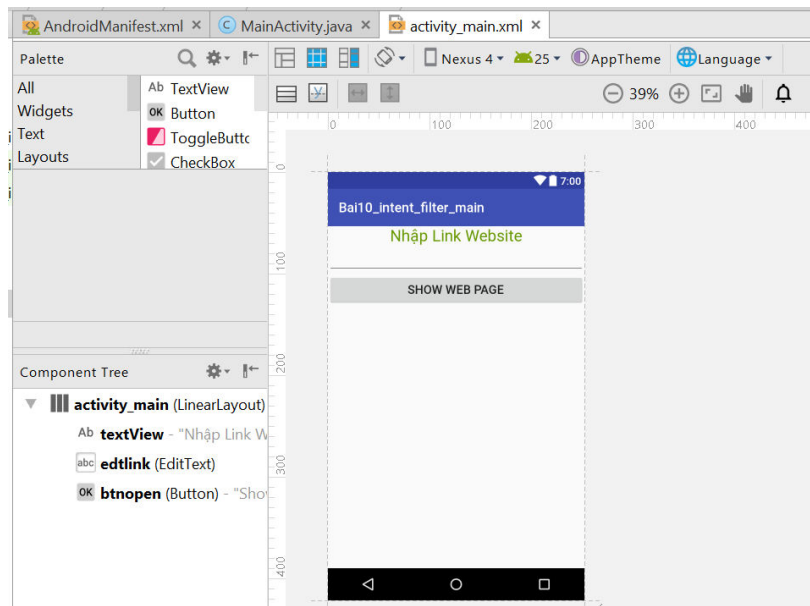
II. Nội dung



Khi Click vào Button Show WebPage thì Android sẽ gọi đến những chương có thể dùng để hiển thị Website, trên hình là có 2 chương trình: một chương trình Browser có sẵn trong Android và một App do chúng ta tự viết, nếu chọn app của chúng ta thì nó sẽ mở ra một trang Website nào đó nhập vào EditText (chẳng hạn ở đây là www.google.com.vn)

III. Thực hiện

Bước 1: Tạo mới Proejct → Sửa **activity_main.xml** có gia diện như hình

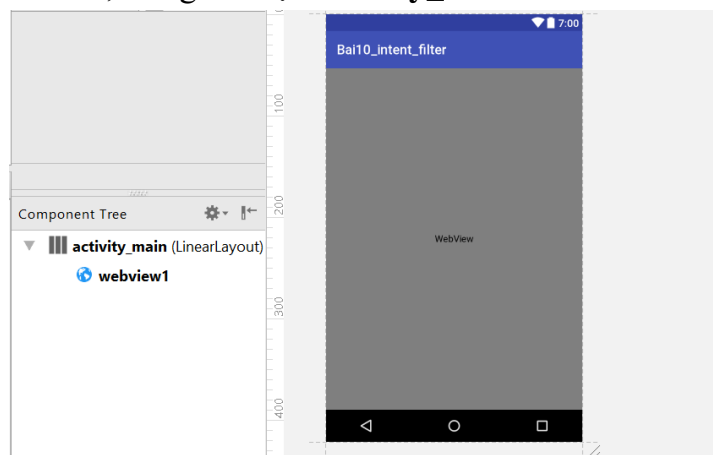


Viết sự kiện cho **Button** trong Class **MainActivity**

```
public class MainActivity extends AppCompatActivity {
    Button btnopen;
    EditText edtlink;
    @Override
    protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.activity_main);
        edtlink = findViewById(R.id.edtlink);
        btnopen = findViewById(R.id.btnopen);
        btnopen.setOnClickListener(new View.OnClickListener() {

            @Override
            public void onClick(View v) {
                // TODO Auto-generated method stub
                Intent intent = new Intent(Intent.ACTION_VIEW,
                Uri.parse("https://" + edtlink.getText().toString()));
                startActivity(intent);
            }
        });
    }
}
```

Bước 2: Tạo Project thứ 2, sửa giao diện **activity_main.xml** chứa **WebView** như sau



Code trong class **MainActivity**:

```
public class MainActivity extends AppCompatActivity {
```

```

@Override
protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
    super.onCreate(savedInstanceState);
    setContentView(R.layout.activity_main);
    Intent intent = getIntent();
    Uri data = intent.getData();

    try {
        WebView webView = findViewById(R.id.webview1);
        webView.loadUrl(data.toString());
    } catch (Exception e) {
        e.printStackTrace();
    }
}
}

```

Bước 3: Khai báo các Activity Intent Filter và các quyền trong tập tin AndroidManifest.xml

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<manifest xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"
    package="com.example.lenovo.bail0_intent_filter"
    <uses-permission android:name="android.permission.INTERNET"/>
    <application
        android:allowBackup="true"
        android:icon="@mipmap/ic_launcher"
        android:label="@string/app_name"
        android:supportRtl="true"
        android:theme="@style/AppTheme">
        <activity android:name=".MainActivity">
            <intent-filter>
                <action android:name="android.intent.action.MAIN" />
                <category android:name="android.intent.category.LAUNCHER" />
            </intent-filter>
            <intent-filter>
                <action android:name="android.intent.action.VIEW" />
                <category android:name="android.intent.category.DEFAULT" />
                <data android:scheme="https" />
            </intent-filter>
        </activity>
    </application>

</manifest>

```

Bước 4. Lưu và chạy chương trình

Bước 5. Trả lời các câu hỏi sau

Intent Filter là gì ? Kể những vai trò của nó trong chương trình này

Intent filter (bộ lọc Intent) là một thành phần trong Android dùng để khai báo rằng một Activity, Service, hoặc BroadcastReceiver có thể xử lý một loại Intent cụ thể. Cũng giúp chplay nhận biết được một số tính năng mà thiết bị cần có khi sử dụng ứng dụng. Đoạn intent filter này cho biết rằng Activity liên quan có thể được sử dụng để xem nội dung của các URL sử dụng giao thức https